

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST

Ngày 07-9-2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nơi
2. Ông Nguyễn Thế Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2021/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2021 về việc: " Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐ-ST, ngày 26 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1985 (có mặt)
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Đều ở địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* UBND xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế M - Chức vụ Chủ tịch UBND xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thế M: Ông A - Chức vụ Phó chủ tịch UBND xã M (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 26-9-2001. Thời điểm chị đăng ký kết hôn với anh T, do nhận thức pháp luật còn hạn chế và do bị mất giấy khai sinh, chị không nhớ chính xác năm sinh của mình nên chị không khai đúng tuổi của mình, sau này chị mới tìm được giấy khai sinh chị xác định khi chị thực hiện đăng ký kết hôn với anh T chị chưa đủ 18 tuổi (16 tuổi, 7 tháng 8 ngày), chưa đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 9 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do khó khăn về kinh tế, anh T đi làm về không đưa tiền cho chị, một mình chị phải đi làm trang trải cho kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng lạnh nhạt tình cảm. Hơn nữa anh T còn ham chơi bời, bạn bè và nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nhưng thực tế không có việc chị có quan hệ với ai. Mặc dù đã cố gắng nhưng vẫn không khắc phục được chị và anh T sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện Hưng Hà hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn N đều sinh ngày 18-4-2002; Nguyễn Thùy L, sinh ngày 16-01-2011. Hiện 02 con chung T và N đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Nếu ly hôn chị nhường anh T nuôi con Nguyễn Thùy L và không góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 26-7-2021 và 02-8-2021, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Y kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Minh Tân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 26-9-2001. Khi kết hôn anh biết chị Y sinh năm 1985 nhưng do chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên chị Y khai chị sinh năm 1983 để đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do mâu thuẫn giữa bố mẹ đẻ anh với chị Y, hơn nữa chị Y có quan hệ bất chính với người đàn ông khác dẫn đến chị Y lạnh nhạt tình cảm với anh. Mặc dù đã cố gắng nhưng vẫn không khắc phục được. Mâu thuẫn trầm trọng, anh không đuổi nhưng chị Y tự ý bỏ nhà đi sinh sống ở đâu anh không rõ, anh nhiều lần tìm chị Y về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Y không về, anh và chị Y sống ly thân từ

tháng 6 năm 2021 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để anh và chị Y về đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Anh và chị Y có 03 con chung là Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn N đều sinh ngày 18-4-2002; Nguyễn Thùy L, sinh ngày 16-01-2011. Hiện 02 con chung T và N đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Nếu ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi con Nguyễn Thùy L và không yêu cầu chị Y góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 21-7-2021, người đại diện theo ủy quyền ông Trần Việt A trình bày: Theo sổ cấp giấy giấy chứng nhận kết hôn số 01/TP-HT-1999B -2001 lập ngày 26-9-2001 lưu tại UBND xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thì anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Y kết hôn là tự nguyện, trước khi kết hôn chị Y được UBND xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (nơi chị Y đăng ký hộ khẩu thường trú) cấp giấy giới thiệu ghi chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1983, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn Đ, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, tình trạng hôn nhân: chưa kết hôn”. Sau khi nhận được giấy giới thiệu của UBND xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, UBND xã M đã đối chiếu với sổ hộ khẩu, chị Y không xuất trình giấy khai sinh và chứng minh nhân dân (chị Y trình bày do bị mất, chưa làm lại được), UBND xã M thực hiện kết hôn cho anh T và chị Y. Nay chị Y yêu cầu Tòa án hủy hôn nhân trái pháp luật giữa chị Y với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát sự tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, chị Y đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh T không thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án đối với anh T và xét xử vắng mặt anh T theo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn T; về nuôi con chung: 02 con chung Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn N đều sinh ngày 18-4-2002, cả 02 con đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Giao con chung Nguyễn Thùy L, sinh ngày 16-01-2011 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Y phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T; về chia tài sản chung: Không xem xét

giải quyết; về án phí: Chị Y phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Nguyễn Thị Y khởi kiện yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị với anh Nguyễn Văn T, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do, TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án cho anh T, anh T nhưng anh vẫn vắng mặt nên TAND huyện Hưng Hà tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Xét yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của chị Y, Hội đồng xét xử thấy: Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 26-9-2001. Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã M thì sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/TP-HT-1999B -2001 lập ngày 26-9-2001, họ tên chồng Nguyễn Văn T, sinh năm 1978, họ tên vợ Nguyễn Thị Y, sinh năm 1983. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu do chị Y giao nộp cho Tòa án như Giấy khai sinh, chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị Y cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, xác định chị Nguyễn Thị Y, sinh ngày 18-02-1985. Vì vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 26-9-2001 thì chị Y mới 16 tuổi 7 tháng, 8 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn và thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật, vi phạm Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Quá trình chung sống chị Y và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, đôi bên không khắc phục đã sống ly thân nên cần hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn T và hủy giấy chứng nhận kết hôn số 21-2001 lập ngày ngày 26-9-2001 của UBND xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị Y và anh T có 03 con chung là Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn N đều sinh ngày 18-4-2002; Nguyễn Thùy L, sinh ngày 16-01-2011. 02 con chung T và N đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Chị Y và anh T đều thống nhất nếu Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Y và anh T thì đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Thùy L cho anh

T trực tiếp nuôi dưỡng nên cần giao con chung Nguyễn Thùy L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Y góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về chia tài sản*: Chị Y và anh T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà về hướng giải quyết vụ án phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Chị Y phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với việc đăng ký kết hôn của UBND xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Căn cứ đề nghị của UBND xã M đã yêu cầu chị Y và anh T nộp tờ khai và ghi đầy đủ thông tin cá nhân, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân theo Luật hộ tịch nên UBND xã M đã thực hiện kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho chị Y và anh T đúng quy định của pháp luật. Việc chị Y khi kết hôn không đủ tuổi, vi phạm Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 là do chị Y khai không đúng năm sinh của mình, không xuất trình giấy khai sinh, chứng minh nhân dân. Vì vậy, việc chứng nhận kết hôn của UBND xã M là đúng thẩm quyền và không vi phạm về đăng ký kết hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 1986, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn T; hủy giấy chứng nhận kết hôn số 21-2001 lập ngày ngày 26-9-2001 của UBND xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

2. Về nuôi con chung: Chị Y và anh T có 03 con chung là Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn N đều sinh ngày 18-4-2002; Nguyễn Thùy L, sinh ngày 16-01-2011. Hiện 02 con chung T và N đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Giao con chung Nguyễn Thùy L sinh ngày 16-01-2011 cho anh T trực tiếp

nuôi dưỡng. Chị Y không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Chị Y có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản:* Không giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Y đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003339 ngày 09-7-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (chị Y đã nộp đủ tiền án phí).

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Y có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện Hưng Hà;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thủy

